

ETS 5 TESTS – SCRIPT & TRANS – PART 2 – TEST 03

<p>11. (W-Br) Where did Constance work last year? (M-Cn) (A) For a few years. (B) Not at all. (C) At a bookstore.</p>	<p>11. Năm ngoái Constance đã làm việc ở đâu? (A) Trong một vài năm. (B) Không có gì. (C) Tại một hiệu sách.</p>
<p>12. (W-Am) Who's going to set up the room for our meeting? (M-Au) (A) Yes, I think there's room. (B) Paul offered to do it. (C) After three, I believe.</p>	<p>12. Ai sẽ bố trí phòng cho cuộc họp của chúng ta? (A) Đúng vậy, tôi nghĩ là có chỗ. (B) Paul đã đề nghị làm việc đó. (C) Sau 3 giờ, tôi tin là vậy.</p>
<p>13. (M-Cn) Excuse me, are these your glasses? (W-Br) (A) We don't carry them anymore. (B) No, they're not mine. (C) I'll have some water.</p>	<p>13. Xin lỗi cho hỏi đây có phải kính của bạn không? (A) Chúng tôi không còn giữ chúng nữa. (B) Không phải, chúng không phải của tôi. (C) Tôi sẽ lấy một ít nước.</p>
<p>14. (M-Au) When's the next flight to Denver? (W-Am) (A) It leaves thirty minutes from now. (B) No, we make a stop in Phoenix first. (C) A few more passengers.</p>	<p>14. Chuyến bay tiếp theo đến Denver là khi nào? (A) Nó sẽ cất cánh sau 30 phút nữa. (B) Không, trước tiên chúng tôi sẽ dừng tại Phoenix. (C) Thêm một vài hành khách.</p>
<p>15. (W-Br) How should we transport these crates? (M-Au) (A) At the warehouse. (B) By truck. (C) It's on Thursday.</p>	<p>15. Chúng ta nên vận chuyển các thùng gỗ này bằng cách nào? (A) Tại nhà kho. (B) Bằng xe tải. (C) Vào thứ Năm.</p>

<p>16. (W-Am) Who edits the company newsletter now?</p> <p>(M-Au) (A) Yes, it'll be ready for print shortly. (B) It's written for all current employees. (C) Bill Sharma took over that job.</p>	<p>16. Hiện ai đang biên tập tờ báo của công ty?</p> <p>(A) Đúng vậy, nó sẽ sẵn sàng để in ngay thôi. (B) Nó được viết cho tất cả nhân viên hiện tại. (C) Bill Sharma đã đảm nhiệm công việc đó.</p>
<p>17. (M-Cn) Is it possible to renew my fishing license over the phone?</p> <p>(W-Br) (A) No, You'll have to do that in person. (B) It's a good place to fish. (C) At my new address.</p>	<p>17. Tôi có thể gia hạn bằng đánh cá của mình thông qua điện thoại không?</p> <p>(A) Không, bạn phải làm việc đó trực tiếp. (B) Nó là một nơi tốt để đánh cá. (C) Tại địa chỉ mới của tôi.</p>
<p>18. (W-Am) Why was my credit card charged twice?</p> <p>(M-Cn) (A) Only a few times a week. (B) You should charge your laptop. (C) Sorry, let me check your account.</p>	<p>18. Tại sao thẻ tín dụng của tôi lại bị tính phí 2 lần vậy?</p> <p>(A) Chỉ một vài lần mỗi tuần. (B) Bạn nên sạc laptop của bạn. (C) Xin lỗi bạn, để tôi kiểm tra tài khoản của bạn.</p>
<p>19. (M-Au) Which training course did you register for?</p> <p>(W-Br) (A) Register by the twentieth. (B) The one about budgeting. (C) That's a good career choice.</p>	<p>19. Bạn đã đăng kí cho khoá đào tạo nào?</p> <p>(A) Đăng kí trước ngày 20. (B) Khoá về tính toán ngân sách. (C) Đó là một lựa chọn nghề nghiệp tốt.</p>
<p>20. (M-Cn) When will the doctor be available?</p> <p>(M-Au) (A) Herbertson medical school. (B) She's free tomorrow morning. (C) No thanks, I already have one.</p>	<p>20. Khi nào thì bác sĩ có thời gian rảnh?</p> <p>(A) Trường y dược Herbertson. (B) Bà ấy sẽ rảnh vào sáng mai. (C) Không, cảm ơn bạn, tôi đã có một cái.</p>
<p>21. (W-Br) Where did you file the invoices?</p> <p>(W-Am) (A) In the folder labeled "Expenses." (B) To our contractor in Melbourne. (C) They'd like to order more.</p>	<p>21. Bạn đã cất giữ những hoá đơn ở đâu?</p> <p>(A) Trong một hồ sơ có tên "Chi Tiêu". (B) Đến nhà thầu của chúng ta ở Melbourne. (C) Họ muốn đặt hàng thêm.</p>

<p>22. (M-Au) How do you clean your work uniform?</p> <p>(W-Br) (A) Every other day, at least. (B) I use a concentrated detergent. (C) Yes, I just washed them.</p>	<p>22. Bạn làm cách nào để làm sạch đồng phục làm việc của mình?</p> <p>(A) Tối thiểu là 2 ngày 1 lần. (B) Tôi dùng thốc tẩy đậm đặc. (C) Đúng vậy, tôi vừa mới giặt chúng.</p>
<p>23. (W-Am) Why don't you hand out these pamphlets?</p> <p>(M-Cn) (A) Our updated menu. (B) At the corner of Maple Street. (C) Okay, I'll do it today.</p>	<p>23. Tại sao bạn không phân phát những cuốn sách nhỏ này?</p> <p>(A) Thực đơn của chúng tôi đã được cập nhật. (B) Ở góc phố Maple. (C) Được, tôi sẽ làm việc đó trong hôm nay.</p>
<p>24. (M-Au) I know of a popular sandwich shop here in Binton.</p> <p>(W-Am) (A) Mine was delicious, too. (B) No, not that I'm aware of. (C) Is it close to our hotel?</p>	<p>24. Tôi có biết về một cửa hàng sandwich được nhiều người ưa thích ở Binton này.</p> <p>(A) Món của tôi thì cũng ngon. (B) Không, theo như tôi biết thì không. (C) Nó có gần khách sạn chúng ta không?</p>
<p>25. (M-Cn) Are there any seats left in the reserved section?</p> <p>(W-Br) (A) Not for Saturday's performance. (B) We provide excellent service. (C) He arranged the seats in a row.</p>	<p>25. Còn chỗ ngồi nào trong khu vực dành riêng không?</p> <p>(A) Không còn chỗ cho buổi biểu diễn vào thứ Bảy. (B) Chúng tôi cung cấp dịch vụ tuyệt vời. (C) Anh ấy bố trí các chỗ ngồi thành 1 hàng.</p>
<p>26. (M-Au) The new software engineer was supposed to start today, wasn't she?</p> <p>(M-Cn) (A) Yes, let's do that. (B) It runs much faster. (C) Yes, she's at the orientation.</p>	<p>26. Kỹ sư phần mềm mới được cho là sẽ bắt đầu công việc vào hôm nay phải không?</p> <p>(A) Phải, chúng ta hãy làm việc đó đi. (B) Nó chạy nhanh hơn nhiều. (C) Phải, cô ấy đang ở buổi định hướng.</p>
<p>27. (W-Am) Isn't this the final cover design?</p> <p>(M-Au) (A) It's just the first draft. (B) Here's the lid. (C) I haven't yet.</p>	<p>27. Có phải đây là bản thiết kế trang bìa cuối cùng không?</p> <p>(A) Nó chỉ là bản thảo đầu tiên. (B) Cái nắp ở đây. (C) Tôi chưa làm.</p>

<p>28. (W-Br) Is the conference center on the north side of the highway or on the south side?</p> <p>(W-Am) (A) I'm attending a two-day seminar. (B) It's to the south, just past Exit 52. (C) Within an hour or so.</p>	<p>28. Trung tâm hội nghị ở phía Bắc hay phía Nam của cao tốc?</p> <p>(A) Tôi sẽ tham dự hội thảo kéo dài 2 ngày. (B) Nó nằm ở phía Nam, chỉ cần đi qua cửa số 52. (C) Trong vòng khoảng chừng 1 giờ.</p>
<p>29. (M-Cn) What can we do to expand our customer base?</p> <p>(W-Br) (A) Mostly in and around New York City. (B) Change our marketing strategy, I'd say. (C) By more than fifty percent last year.</p>	<p>29. Chúng ta có thể làm gì để tăng quy mô khách hàng?</p> <p>(A) Hầu hết là ở trong hoặc quanh thành phố New York. (B) Thay đổi chiến lược tiếp thị của chúng ta, đó là ý kiến của tôi. (C) Hơn 55 phần trăm so với năm ngoái.</p>
<p>30. (M-Au) We bought the house about a year ago.</p> <p>(W-Am) (A) Certainly, send me some information. (B) Has it been that long? (C) No, she couldn't go.</p>	<p>30. Chúng tôi đã mua ngôi nhà được gần 1 năm.</p> <p>(A) Chắc chắn rồi, hãy gửi tôi vài thông tin. (B) Không lâu như vậy chứ? (C) Không, cô ấy đã không thể đi.</p>
<p>31. (W-Br) Can I give you some help with that report?</p> <p>(M-Cn) (A) I'm almost done, thanks. (B) She reports to Mr. Thompson. (C) I found it helpful.</p>	<p>31. Tôi có thể giúp bạn với báo cáo đó không?</p> <p>(A) Tôi gần xong rồi, cảm ơn bạn. (B) Cô ấy báo cáo cho ông Thompson. (C) Tôi thấy nó hữu ích.</p>
<p>32. (W-Am) Is there any money left in our office supply account?</p> <p>(M-Au) (A) Let me look and see. (B) There's one nearby. (C) I'd like that.</p>	<p>32. Còn khoản tiền nào trong tài khoản nguồn tiền văn phòng của chúng ta không?</p> <p>(A) Để tôi kiểm tra xem thử. (B) Có một cái ở gần bên. (C) Tôi muốn nó.</p>

<p>33. (M-Cn) I think the brakes on my car need to be fixed.</p> <p>(W-Am) (A) Nearly ten thousand miles. (B) How old are they? (C) Yes, it's my favorite place.</p>	<p>33. Tôi nghĩ những cái phanh xe hơi của tôi cần phải được sửa.</p> <p>(A) Gần mười nghìn dặm. (B) Tuổi thọ chúng bao nhiêu? (C) Đúng vậy, đó là nơi ưa thích của tôi.</p>
<p>34. (W-Br) Would you be willing to fill out a questionnaire?</p> <p>(M-Cn) (A) The store hours are nine to six. (B) They felt good about it. (C) I completed one earlier.</p>	<p>34. Bạn có thể hoàn thành bảng câu hỏi này được không?</p> <p>(A) Giờ mở cửa của tiệm là từ 9 giờ đến 6 giờ. (B) Họ đã cảm thấy nó tốt. (C) Tôi đã hoàn thành một cái rồi.</p>
<p>35. (M-Au) Why were all the printers moved?</p> <p>(W-Br) (A) But I can help you move them. (B) We're turning that space into an office. (C) Yes, let's call the technician.</p>	<p>35. Tại sao tất cả máy in lại được chuyển đi vậy?</p> <p>(A) Nhưng tôi có thể giúp bạn di chuyển chúng. (B) Chúng tôi định biến nó thành một văn phòng. (C) Đúng vậy, hãy gọi cho kỹ thuật viên.</p>
<p>36. (W-Am) Our utility bill is a lot higher this month, isn't it?</p> <p>(M-Cn) (A) The company raised its rates. (B) No, he was hired in June. (C) Sure, I'll put it on your desk.</p>	<p>36. Tiền sử dụng dịch vụ của chúng ta tháng này cao hơn khá nhiều phải không?</p> <p>(A) Công ty đã tăng mức giá của họ. (B) Không, anh ấy đã được thuê hồi tháng 6. (C) Chắc chắn rồi, tôi sẽ để nó trên bàn của bạn.</p>
<p>37. (W-Br) I think the paint on his bench is still wet.</p> <p>(M-Au) (A) No, we're not expecting rain. (B) We'd better sit somewhere else. (C) What color would you suggest?</p>	<p>37. Tôi nghĩ bức vẽ trên băng ghế của anh ấy vẫn còn ướt.</p> <p>(A) Không, chúng tôi không cầu mưa. (B) Chúng ta nên ngồi chỗ nào khác thì hơn. (C) Bạn đề xuất màu gì?</p>
<p>38. (M-Cn) Is this a good time to talk, or should I call back later?</p> <p>(W-Am) (A) I have a few minutes. (B) Yesterday after lunch. (C) Mr. Rodriguez did.</p>	<p>38. Lúc này có phải là thời điểm thích hợp để nói chuyện không, hay là tôi nên gọi lại sau?</p> <p>(A) Tôi có vài phút rảnh. (B) Sau giờ trưa ngày hôm qua. (C) Ông Rodriguez đã làm.</p>

<p>39. (W-Br) Weren't the window in the lobby supposed to be replaced?</p> <p>(M-Cn) (A) Follow the main hallway. (B) About thirty people. (C) Not until next week.</p>	<p>39. Có phải cái cửa kính ở sảnh trước đã được thay thế rồi không?</p> <p>(A) Đi theo hành lang chính. (B) Khoảng 30 người. (C) Không, cho tới tuần sau.</p>
<p>40. (W-Am) Please make sure that our advertisement appears in the local newspaper.</p> <p>(M-Au) (A) For the marketing department. (B) About forty thousand readers. (C) Don't worry, I'll take care of it.</p>	<p>40. Vui lòng đảm bảo rằng quảng cáo của chúng tôi xuất hiện trên tờ báo địa phương.</p> <p>(A) Dành cho bộ phận tiếp thị. (B) Khoảng bốn mươi nghìn độc giả. (C) Đừng lo, tôi sẽ để ý đến việc đó.</p>